TUẦN 33 **Thứ hai ngày 14 tháng 4 năm 2019**

TẬP ĐỌC

VƯƠNG QUỐC VẮNG NỤ CƯỜI (TT)

1. Kiến thức

- Hiểu ND: Tiếng cười như một phép mầu làm cho cuộc sống của vương quốc u buồn thay đổi, thoát khỏi nguy cơ tàn lụi (trả lời được các câu hỏi trong SGK).

2. Kĩ năng

- Đọc trôi trảy bài tập đọc, với giọng đọc vui tươi, phân biệt được lời của các nhân vật

3. Thái độ

- Truyền cho HS cảm hứng vui vẻ và thái độ học tập tích cực

4. Góp phần phát triển năng lực

- Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: + Tranh minh hoạ bài tập đọc (phóng to nếu có điều kiện).
  + Bảng phụ viết sẵn đoạn luyện đọc
- HS: SGK, vở viết

2. Phương pháp, kĩ thuật

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.
- Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: *(5p)* *+ Học thuộc lòng bài Ngắm trăng, Không đề* *+ Em cảm nhận gì về Bác Hồ qua hai bài thơ đã học* - GV nhận xét chung, giới thiệu bài	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét *+ 2 HS đọc* *+ Phong thái ung dung, tinh thần lạc quan của Bác Hồ trong mọi hoàn cảnh*
2. Luyện đọc: *(8-10p)* *** Mục tiêu:** Đọc trôi trảy bài tập đọc với giọng tươi vui, phân biệt lời các nhân vật *** Cách tiến hành:**	
- Gọi 1 HS đọc bài (M3) - GV lưu ý giọng đọc cho HS: Cần đọc với giọng vui, đầy bất ngờ, hào hứng. Biết đọc phân biệt lời nhân vật. - GV chốt vị trí các đoạn: - Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)	- 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm - Lắng nghe - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn - Bài được chia làm 3 đoạn: + Đ1: Cả triều đình … ta trọng thưởng. + Đ2: Tiếp theo … đứt giải rút ạ. + Đ3: Còn lại. - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*phi thường, hoàng bào,*

	bụm miệng, vườn ngự uyển, dải rút ,...) - Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp - Giải nghĩa từ khó (đọc chú giải) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng - Các nhóm báo cáo kết quả đọc - 1 HS đọc cả bài (M4)
3. Tìm hiểu bài: *(8-10p)* *** Mục tiêu:** Hiểu ND: Tiếng cười như một phép mầu làm cho cuộc sống của vương quốc u buồn thay đổi, thoát khỏi nguy cơ tàn lụi (trả lời được các câu hỏi trong SGK). *** Cách tiến hành:** ***Làm việc nhóm 4 – Chia sẻ trước lớp***	
- GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi cuối bài *+ Cậu bé phát hiện ra những chuyện buồn cười ở đâu?* *+ Vì sao những chuyện ấy buồn cười?* *+ Bí mật của tiếng cười là gì?* *+ Tiếng cười làm thay đổi cuộc sống ở vương quốc u buồn như thế nào?* ** Nêu nội dung bài tập đọc* * Lưu ý giúp đỡ HS M1+M2 trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. HS M3+M4 trả lời các câu hỏi nêu nội dung đoạn, bài.	- 1 HS đọc các câu hỏi cuối bài - HS làm việc theo nhóm 4 – Chia sẻ kết quả dưới sự điều hành của TBHT *+ Ở xung quanh cậu bé: nhà vua quên lau miệng, túi áo quan ngự uyển căng phồng một quả táo đang cắn dở, cậu bị đứt giải rút.* *+ Vì những chuyện ấy bất ngờ và trái ngược với lẽ tự nhiên.* *+ Là nhìn thẳng vào sự thật, phát hiện những chuyện mâu thuẫn, bất ngờ, trái ngược, với một cái nhìn vui vẻ lạc quan.* *+ Tiếng cười như có phép màu làm mọi gương mặt đều rạng rỡ, tươi tỉnh. Hoa nở, chim hót, những tia nắng mặt trời nhảy múa ...* **** Tiếng cười như một phép mầu làm cho cuộc sống của vương quốc u buồn thay đổi, thoát khỏi nguy cơ tàn lụi***
4. Luyện đọc diễn cảm *(8-10p)* *** Mục tiêu:** HS đọc phân vai được bài tập đọc *** Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp**	
- Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài, giọng đọc của các nhân vật - Yêu cầu đọc phân vai trong nhóm	- HS nêu lại giọng đọc cả bài - 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài - Nhóm trưởng điều hành các thành viên trong nhóm: + Phân vai + Đọc phân vai + Thi đọc trước lớp

- GV nhận xét, đánh giá chung **5. Hoạt động ứng dụng** *(1 phút)* **6. Hoạt động sáng tạo** *(1 phút)*	- Bình chọn nhóm đọc phân vai tốt - Ghi nhớ nội dung, ý nghĩa của bài - Đọc phân vai toàn bộ bài tập đọc Vương quốc vắng nụ cười.

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 161: ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ (tt)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Ôn tập về phép tính nhân, chia phân số

2. Kĩ năng

- Thực hiện được nhân, chia phân số.
- Tìm một thành phần chưa biết trong phép nhân, phép chia phân số.

3. Thái độ

- HS có thái độ học tập tích cực, làm bài tự giác

4. Góp phần phát triển năng lực:

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 4 (a). Khuyến khích HSNK hoàn thành tất cả BT

II. CHUẨN BI:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ
- HS: Sách, bút

2. Phương pháp, kĩ thuật

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập
- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: *(2p)* - GV giới thiệu bài – Ghi tên bài	- TBVN điều khiển lớp hát, vận động tại chỗ
2. Hoạt động thực hành (35p) *** Mục tiêu**:	

- Thực hiện được nhân, chia phân số.
- Tìm một thành phần chưa biết trong phép nhân, phép chia phân số.

*** Cách tiến hành: Cá nhân – Lớp**

Bài 1: Tính - Gọi HS nêu yêu cầu của bài. - Nhận xét, khen ngợi/ động viên. - Chốt cách thực hiện phép nhân, chia hai phân số; nhân, chia phân số với số tự nhiên; mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia	**Cá nhân – Chia sẻ nhóm 2 - Lớp** Đáp án: a) $\frac{2}{3}x\frac{4}{7}=\frac{2x4}{3x7}=\frac{8}{21}$ $\frac{8}{21}:\frac{2}{3}=\frac{8}{21}x\frac{3}{2}=\frac{24}{42}=\frac{4}{7}$ $\frac{8}{21}:\frac{4}{7}=\frac{8}{21}x\frac{7}{4}=\frac{56}{84}=\frac{2}{3}$ $\frac{4}{7}x\frac{2}{3}=\frac{4x2}{7x3}=\frac{8}{21}$ b) $\frac{3}{11}x2=\frac{3x2}{11}=\frac{6}{11}$; $\frac{6}{11}:\frac{3}{11}=\frac{6}{11}x\frac{11}{3}=\frac{6}{3}=2$ $\frac{6}{11}:2=\frac{6}{11}x\frac{1}{2}=\frac{6}{22}=\frac{3}{11}$; 2 x $\frac{3}{11}=\frac{2x3}{11}=\frac{6}{11}$ c) 4 x $\frac{2}{7}=\frac{4x2}{7}=\frac{8}{7}$; $\frac{8}{7}:\frac{2}{7}=\frac{8}{7}x\frac{7}{2}=\frac{8}{2}=4$ $\frac{8}{7}:\frac{2}{7}=\frac{8}{7}x\frac{7}{2}=\frac{8}{2}=4$; $\frac{2}{7}x4=\frac{2x4}{7}=\frac{8}{7}$
Bài 2: Tìm x: - Gọi HS nêu yêu cầu của bài. - Cho các em chia sẻ với cả lớp về cách tìm thừa số chưa biết và cách tìm số bị chia, số chia. - Nhận xét, đánh giá bài làm trong vở của HS – Chốt đáp án - Nhận xét, khen ngợi/ động viên. * Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2	**Cá nhân – Lớp** a. $\frac{2}{7}$ × x = $\frac{2}{3}$; b. $\frac{2}{5}$: x = $\frac{1}{3}$; c. x: $\frac{7}{11}$ = 22 x = $\frac{2}{3}:\frac{2}{7}$ x = $\frac{2}{5}:\frac{1}{3}$ x = 22 × $\frac{7}{11}$ x = $\frac{7}{3}$ x = $\frac{6}{5}$ x = 14
Bài 4a (HS năng khiếu hoàn thành cả bài) - Gọi 1 HS đọc và xác định đề bài trước lớp. - HS tự làm bài. - Chữa một số bài, nhận xét chung. - Gọi 1 HS chữa bài trên bảng. * Lưu ý: Giúp đỡ hs M1+M2 củng cố cách tính chu vi, diện tích hình vuông.	**Cá nhân – Lớp** Giải: a. Chu vi tờ giấy hình vuông là: $\frac{2}{5}x4=\frac{8}{5}$ (m) Diện tích tờ giấy hình vuông là: $\frac{2}{5}x\frac{2}{5}=\frac{4}{25}$ (m^2) b. Diện tích mỗi ô vuông là: $\frac{2}{25}x\frac{2}{25}=\frac{4}{625}$ (m^2)

	Cắt được số ô vuông là: $\frac{4}{25}:\frac{4}{625}=25$ (ô) c. Chiều rộng tờ giấy hình chữ nhật là: $\frac{4}{25}:\frac{4}{5}=\frac{1}{5}$ (m) Đáp số: a. $\frac{8}{5}$m ; $\frac{4}{25}$m^2 b. 25 ô vuông c. $\frac{1}{5}$ m
Bài 3 (*Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)* - Củng cố cách thực hiện phép nhân, phép chia và vận dụng tínhnhanh	- HS làm vào vở Tự học – Chia sẻ lớp a) $\frac{3}{7}x\frac{7}{3}=1$ (PS nhân với PS đảo ngược thì kết quả bằng 1) b) $\frac{3}{7}:\frac{3}{7}=1$ (Một PS chia cho chính nó kết quả bằng 1) c) $\frac{2}{3}x\frac{1}{6}x\frac{9}{11}=\frac{2x1x9}{3x6x11}=\frac{2x1x3x3}{3x2x3x11}=\frac{1}{11}$ d) $\frac{2x3x4}{2x3x4x5}=\frac{1}{5}$
3. Hoạt động ứng dụng *(1p)* **4. Hoạt động sáng tạo *(1p)***	- Chữa lại các phần bài tập làm sai - Tìm các bài tập cùng dạng trong sách buổi 2 và giải

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

KHOA HỌC (VNEN)

ĐỘNG VẬT TRAO ĐỔI CHẤT NHƯ THẾ NÀO? (T1)

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)

QUAN HỆ THỨC ĂN TRONG TỰ NHIÊN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Nắm được mối quan hệ thức ăn trong tự nhiên.

2. Kĩ năng

- Vẽ sơ đồ mối quan hệ sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia.

3. Thái độ

- HS có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên

4. Góp phần phát triển các năng lực:

- NL làm việc nhóm, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác

KNS: *- Khái quát, tổng hợp thông tin về sự trao đổi chất ở thực vật*

- Phân tích, so sánh, phán đoán về thức ăn của các sinh vật trong tự nhiên

- Giao tiếp và hợp tác giữa các thành viên trong nhóm

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: + Hình minh hoạ trang 130, SGK (phóng to).
  + Hình minh họa trang 131, SGK phôtô theo nhóm.
- HS: Một số tờ giấy A4.

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành – luyện tập
- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt đông của giáo viên	Hoạt đông của của học sinh
1. Khởi động ***(4p)*** TBHT điều khiển trò chơi: **Hộp quà bí mật** *+ Thế nào là sự trao đổi chất ở động vật?* *+ Bạn hãy vẽ sơ đồ sự trao đổi chất ở động vật. Sau đó trình bày theo sơ đồ?* - GV giới thiệu, dẫn vào bài mới	- HS chơi trò chơi dưới sự điều hành của TBHT *+ Động vật lấy từ môi trường thức ăn, nước uống và thải ra các chất cặn bã, khí các - bô- níc, nước tiểu,…* *+ HS lên vẽ sơ đồ sau đó trình bày.*
2. Bài mới: *(30p)* *** Mục tiêu:** - Nắm được mối quan hệ thức ăn trong tự nhiên. - Vẽ sơ đồ mối quan hệ sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia *** Cách tiến hành: Cá nhân - Nhóm – Lớp**	
a.*Giới thiệu bài:*	**Nhóm 4 – Lớp**
+ Thức ăn của thực vật là gì?	*+ Thức ăn của thực vật là nước, khí các- bô- níc, các chất khoáng hoà tan trong đất.*
+ Thức ăn của động vật là gì?	*+ Thức ăn của động vật là thực vật hoặc động vật.*
- GV: ***Thực vật sống là nhờ chất hữu***	

cơ tổng hợp được rễ hút từ lớp đất trồng lên và lá quang hợp. Động vật sống được là nhờ nguồn thức ăn từ thực vật hay thịt của các loài động vật khác. Thực vật và động vật có các mối quan hệ với nhau về nguồn thức ăn như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.	- Lắng nghe.
b. Tìm hiểu bài: ***HĐ*1: *Mối quan hệ giữa thực vật và các yếu tố vô sinh trong tự nhiên:***	**Nhóm 2 – Lớp**
- Cho HS quan sát hình trang 130, SGK, trao đổi và trả lời câu hỏi sau: *+ "Thức ăn" của cây ngô là gì?*	*+ "Thức ăn" của cây ngô dưới năng lượng của ánh sáng Mặt Trời: cây ngô hấp thụ khí các- bô- níc, nước, các chất khoáng hoà tan trong đất.*
+ Từ những "thức ăn" đó, cây ngô có thể tạo ra những chất dinh dưỡng nào nuôi cây?	*+ Cây ngô tạo ra chất bột đường, chất đạm,....*
+ Ý nghĩa của chiều các mũi tên có trong sơ đồ?	*+ Chiều mũi tên chỉ vào lá cho biết cây hấp thụ khí các- bô- níc qua lá, chiều mũi tên chỉ vào rễ cho biết cây hấp thụ nước, các chất khoáng qua rễ.*
- GV vừa chỉ vào hình minh hoạ và giảng: ***Hình vẽ này thể hiện mối quan hệ về thức ăn của thực vật giữa các yếu tố vô sinh là nước, khí các- bô- níc để tạo ra các yếu tố hữu sinh là các chất dinh dưỡng như chất bột đường, chất đạm, … Mũi tên xuất phát từ khí các- bô- níc và chỉ vào lá của cây ngô cho biết khí các- bô- níc được cây ngô hấp thụ qua lá. Mũi tên xuất phát từ nước, các chất khoáng và chỉ vào rễ của cây ngô cho biết nước, các chất khoáng được cây ngô hấp thụ qua rễ.***	- Quan sát, lắng nghe.
+ Theo em, thế nào là yếu tố vô sinh, thế nào là yếu tố hữu sinh? Cho ví dụ?	*+ Yếu tố vô sinh là những yếu tố không thể sinh sản được mà chúng đã có sẵn trong tự nhiên như: nước, khí các- bô- níc. Yếu tố hữu sinh là những yếu tố có thể sản sinh tiếp được như chất bột đường, chất đạm.*
- ***Kết luận***: ***Thực vật không có cơ quan tiêu hoá riêng nhưng chỉ có thực vật***	- Lắng nghe.

mới trực tiếp hấp thụ năng lượng ánh sáng Mặt Trời và lấy các chất vô sinh như nước, khí các- bô- níc để tạo thành các chất dinh dưỡng như chất bột đường, chất đạm để nuôi chính thực vật.	
- GV: Các em đã biết, thực vật cũng chính là nguồn thức ăn vô cùng quan trọng của một số loài động vật. Mối quan hệ này như thế nào? Chúng thức ăn cùng tìm hiểu ở hoạt động 2.	
Hoạt động2: Mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật:	**Cá nhân – Nhóm 2– Lớp**
+ Thức ăn của châu chấu là gì?	*+ Là lá ngô, lá cỏ, lá lúa, ...*
+ Giữa cây ngô và châu chấu có mối quan hệ gì?	*+ Cây ngô là thức ăn của châu chấu.*
+ Thức ăn của ếch là gì?	*+ Là châu chấu.*
+ Giữa châu chấu và ếch có mối quan hệ gì?	*+ Châu chấu là thức ăn của ếch.*
+ Giữa lá ngô, châu chấu và ếch có quan hệ gì?	*+ Lá ngô là thức ăn của châu chấu, châu chấu là thức ăn của ếch.*
***** Mối quan hệ giữa cây ngô, châu chấu và ếch gọi là mối quan hệ thức ăn, sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia.***	- Lắng nghe.
- Phát hình minh họa trang 131, SGK cho từng nhóm. Sau đó yêu cầu HS vẽ mũi tên để chỉ sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia.	
- Gọi HS trình bày, GV nhận xét phần sơ đồ của nhóm và trình bày của đại diện.	Sơ đồ:
- ***Kết luận***: Vẽ sơ đồ bằng chữ lên bảng.	Cây ngô → Châu chấu → Ếch
- Cây ngô, châu chấu, ếch đều là các sinh vật. Đây chính là quan hệ thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên. Sinh vật này là thức ăn của sinh vật kia.	- Lắng nghe
HĐ3:Trò chơi: "Ai nhanh nhất"	**Nhóm 4 – Lớp**
GV tổ chức cho HS thi vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ thức ăn giữa các sinh vật trong tự nhiên. (Khuyến khích HS vẽ sơ đồ chứ không viết) sau đó tô màu cho đẹp.	Ví dụ một số sơ đồ Cỏ → Cá → Người Lá rau → Sâu → Chim sâu

- Nhận xét về sơ đồ của từng nhóm: Đúng, đẹp, trình bày lưu loát, khoa học. GV có thể gợi ý HS vẽ các mối quan hệ thức ăn sau:	Lá cây → Sâu → Gà. Cỏ → Hươu → Hổ. Cỏ → Thỏ → Cáo → Hổ .
3. HĐ ứng dụng *(1p)* **4. HĐ sáng tạo *(1p)***	- Ghi nhớ kiến thức của bài. - Trang trí sơ đồ mối quan hệ thức ăn và trưng bày ở góc học tập

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

Thứ ba ngày 15 tháng 4 năm 2019

KĨ NĂNG SỐNG

HƯỞNG ỨNG CÁC PHONG TRÀO BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CHÍNH TẢ

NGẮM TRĂNG – KHÔNG ĐỀ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nhớ - viết đúng bài CT; trình bày đúng hình thức 2 bài thơ: 1 bài thơ theo thể thơ 7 chữ, 1 bài thơ theo thể thơ lục bát
- Làm đúng BT 2a, 3a phân biệt âm đầu ch/tr

2. Kĩ năng:

- Rèn kĩ năng viết đẹp, viết đúng chính tả.

3. Thái độ:

- Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết

4. Góp phần phát triển năng lực:

- NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: giấy khổ to ghi nội dung BT 2a, 3a
- HS: Vở, bút,...

2. Phương pháp, kĩ thuật

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.
- Kĩ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.